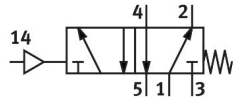


Van khí
VL-5-1/4-B-EX
 Số bộ phận: 536041

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/2 đơn ổn định
Kiểu vận hành	khí nén
Chiều rộng lắp đặt	32 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1300 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	G1/4
Áp suất vận hành	0 MPA...1 MPA 0 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	Đế đĩa
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-10°C ≤ Ta ≤ +60°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)
Chiều rộng định mức	7 mm
Kích thước lưới	33 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Nút ghi đè	không
Kiểu điều khiển	trực tiếp
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Xếp chống	gối chống âm
Áp suất điều khiển	0.15 MPA...1 MPA 1.5 bar...10 bar
giá trị b	0.29
Giá trị C	5.5 l/s*bar

Đặc tính	Giá trị
Tần số chuyển mạch tối đa	3 Hz
Thời gian chuyển mạch tắt	12 ms
Thời gian chuyển mạch bật	2 ms
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-40 °C...60 °C
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	240 g
Kiểu gắn	với lỗ xuyên
Cổng nối khí điều khiển 14	G1/8
Cổng nối khí nén 1	G1/4
Cổng nối khí nén 2	G1/4
Cổng nối khí nén 3	G1/4
Cổng nối khí nén 4	G1/4
Cổng nối khí nén 5	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	NBR PU
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực